

Số: 111/2022/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 02 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1981.

HKTT và nơi cư trú: F8/36B ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Quang K**, sinh năm 1978.

HKTT: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh V.

Nơi cư trú: Nhà không số ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1981 và ông **Phạm Quang K**, sinh năm 1978.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà **Trần Thị Thu T** và ông **Phạm Quang K** thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 117, do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B. Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/07/2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên **Phạm Ngọc T2**, sinh ngày 18/06/2018 (Giới tính: Nữ).

Hiện nay trẻ Phạm Ngọc T2 đang sống cùng bà T. Ông K và bà T thống nhất thỏa thuận giao trẻ Phạm Ngọc T2, sinh ngày 18/6/2018 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Quang K.

Ông Phạm Quang K có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Quang K xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Phạm Quang K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0040352 ngày 27/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

III. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM; (1)
- VKSND H.BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND xã V;
- Các đương sự; (1)
- Lưu: VP, hồ sơ. (2)
- (3)

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Duy Linh

